

**BẢNG KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH**

*Ngày thi 14/9/2025*

STT	Tài khoản	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp cố định	Ngày thi	Điểm Nghe (T20)	Điểm Đọc (T30)	Điểm Viết (T30)	Điểm Nói (T20)	Tổng điểm (T100)	Kết quả	Ghi chú
1	223134101173	Ngô Bình An	Nam	14/07/2004	DHQTkd2.K23	14/09/2025	19	26	23	12	80	Đạt	
2	223114209057	Nguyễn Đức An	Nam	17/11/2004	DHSPth1.K23	14/09/2025	19	29	25	13	86	Đạt	
3	213131101047	Bùi Phương Anh	Nữ	11/01/2003	DHKtnt2.K23	14/09/2025	14	22	16	15	67	Đạt	
4	223151202015	Bùi Quang Anh	Nam	15/01/2004	DHCNCTM.K23	14/09/2025	16	22	16	10	64	Đạt	
5	233114217039	Đoàn Thị Phương Anh	Nữ	06/04/2005	DHSPNV1.K24	14/09/2025	20	22	15	15	72	Đạt	
6	223114202286	Đông Thị Phương Anh	Nam	14/06/2004	DHGDTH4.K23	14/09/2025	18	28	23	14	83	Đạt	
7	213151203039	Khổng Hữu Anh	Nam	09/03/2003	DHCNKTC-DT.K22	14/09/2025	18	29	19	12	78	Đạt	
8	223114202189	Lê Văn Anh	Nữ	24/09/2004	DHGDTH4.K23	14/09/2025	19	22	12	15	68	Đạt	
9	223148201140	Nguyễn Duy Anh	Nam	30/03/2004	DHCNTT3.K23	14/09/2025	12	14	21	6	53	Không đạt	
10	213151301043	Nguyễn Hoàng Anh	Nam	24/07/2003	DHĐCN-DD1.K22	14/09/2025	15	16	26	8	65	Đạt	
11	223134301029	Nguyễn Hoàng Lan Anh	Nữ	17/08/2004	DHKTDN1.K23	14/09/2025	18	19	25	10	72	Đạt	
12	213134101507	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	01/08/2003	DHQTkd4.K22	14/09/2025							Vắng thi
13	233131630011	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	21/01/2005	DHQTDL.K24	14/09/2025							Vắng thi
14	223134101036	Nguyễn Việt Anh	Nam	24/04/2004	DHQTkd1.K23	14/09/2025	18	30	25	10	83	Đạt	
15	223114209089	Nguyễn Xuân Hoàng Anh	Nam	07/09/2004	DHSPth1.K23	14/09/2025	19	30	19	10	78	Đạt	
16	223148201138	Phạm Hà Tuấn Anh	Nam	03/12/2004	DHCNTT3.K23	14/09/2025	17	25	18	10	70	Đạt	
17	213134301427	Phạm Ngọc Anh	Nữ	15/06/2003	DHKTDN5.K22	14/09/2025	15	17	23	12	67	Đạt	
18	223134101105	Phạm Việt Anh	Nam	01/07/2004	DHQTkd2.K23	14/09/2025	17	30	22	7	76	Đạt	
19	223131101155	Trần Ngọc Anh	Nữ	14/09/2004	DHKtnt2.K23	14/09/2025							Vắng thi
20	213134301106	Trần Quỳnh Anh	Nữ	11/12/2003	DHKTKT2.K22	14/09/2025	19	27	22	7	75	Đạt	
21	223134101097	Vũ Hoàng Anh	Nam	01/04/2004	DHQTkd1.K23	14/09/2025	19	17	26	7	69	Đạt	

STT	Tài khoản	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp cố định	Ngày thi	Điểm Nghe (T20)	Điểm Đọc (T30)	Điểm Viết (T30)	Điểm Nói (T20)	Tổng điểm (T100)	Kết quả	Ghi chú
22	233114202103	Vũ Thị Quỳnh Anh	Nữ	24/09/2005	DHGDTH3.K24	14/09/2025	19	26	25	14	84	Đạt	
23	213131101115	Hoàng Việt Ánh	Nữ	20/11/2003	DHKTNT4.K23	14/09/2025	19	28	23	14	84	Đạt	
24	223114202019	Vũ Minh Ánh	Nữ	16/08/2004	DHGDTH4.K23	14/09/2025	6	14	0	10	30	Không đạt	
25	213134201062	Hoàng Thế Bách	Nam	14/06/2001	DHTCDN2.K22	14/09/2025	14	24	21	9	68	Đạt	
26	213148201166	Phạm Phú Bằng	Nam	15/02/2003	DHCNTT5.K22	14/09/2025	14	24	21	13	72	Đạt	
27	213148201133	Nguyễn Thế Bảo	Nam	01/01/2003	DHCNTT5.K22	14/09/2025	7	9	26	15	57	Không đạt	
28	223131101040	Hoàng Huệ Chi	Nữ	04/07/2004	DHKTNT2.K23	14/09/2025	15	28	12	15	70	Đạt	
29	223131101117	Vũ Mai Chi	Nữ	01/03/2004	DHKTNT3.K23	14/09/2025	17	20	25	15	77	Đạt	
30	223151203066	Nguyễn Minh Chiến	Nam	02/01/2004	DHCNKTC-DT1.K23	14/09/2025	8	14	3	11	36	Không đạt	
31	213151303102	Phạm Văn Chiến	Nam	02/07/2003	DHĐ-TĐCN2.K22	14/09/2025	18	27	15	9	69	Đạt	
32	223134101064	Hoàng Đình Công	Nam	22/10/2004	DHQTkd2.K23	14/09/2025	16	28	16	9	69	Đạt	
33	213151303090	Nguyễn Tiến Cường	Nam	06/07/2003	DHĐ-TĐCN2.K22	14/09/2025	17	27	21	10	75	Đạt	
34	223148201154	Nguyễn Văn Cường	Nam	02/07/2004	DHCNTT3.K23	14/09/2025	18	29	19	8	74	Đạt	
35	223131101221	Nguyễn Thúy Đào	Nữ	12/01/2004	DHKTNT4.K23	14/09/2025	14	19	20	10	63	Đạt	
36	223134301030	Đặng Tiến Đạt	Nam	08/09/2004	DHKTdn1.K23	14/09/2025	16	29	19	8	72	Đạt	
37	223131101110	Lê Thành Đạt	Nam	10/09/2004	DHKTNT2.K23	14/09/2025							Vắng thi
38	213134101268	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	11/08/2003	DHQTkd3.K22	14/09/2025							Vắng thi
39	213151303017	Lê Quý Đông	Nam	15/04/2003	DHĐ-TĐCN1.K22	14/09/2025	15	19	13	9	56	Không đạt	
40	233114217063	NGUYỄN VĂN DU	Nam	12/01/2005	DHSPNV2.K24	14/09/2025	19	25	21	10	75	Đạt	
41	213148201006	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	28/11/2003	DHCNTT6.K22	14/09/2025	19	24	25	0	68	Không đạt	ĐCT VĐ
42	213176101011	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	05/10/2003	DHCTXH.K22	14/09/2025	19	20	20	10	69	Đạt	
43	223151103018	Phạm Anh Dương	Nam	01/07/1993	DHCNKTXD.K23	14/09/2025	10	12	10	13	45	Không đạt	
44	213151303084	Phạm Thanh Dương	Nam	15/10/2003	DHĐ-TĐCN2.K22	14/09/2025	7	11	24	9	51	Không đạt	
45	233114202181	Vũ Thị Thùy Dương	Nữ	04/09/2005	DHGDTH4.K24	14/09/2025	18	28	16	15	77	Đạt	
46	223148201167	Đào Xuân Duy	Nam	29/09/2004	DHCNTT3.K23	14/09/2025	18	27	19	11	75	Đạt	
47	233114202143	Bùi Thị Mỹ Duyên	Nữ	12/02/2005	DHGDTH3.K24	14/09/2025	19	30	22	16	87	Đạt	

STT	Tài khoản	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp cố định	Ngày thi	Điểm Nghe (T20)	Điểm Đọc (T30)	Điểm Viết (T30)	Điểm Nói (T20)	Tổng điểm (T100)	Kết quả	Ghi chú
48	223181103062	Lê Thị Hồng Duyên	Nữ	31/03/2004	DHQTDL-LH2.K23	14/09/2025							Vắng thi
49	233114201030	Vũ Thị Hoàng Gia	Nữ	17/07/2005	DHGDMN.K24	14/09/2025	20	27	26	10	83	Đạt	
50	223134122118	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	31/08/2004	DHTMDT3.K23	14/09/2025	19	28	25	15	87	Đạt	
51	213122204608	Nguyễn Thùy Giang	Nữ	15/11/2003	DHNNTQ3.K22	14/09/2025	19	25	26	10	80	Đạt	
52	223148201152	Phạm Thị Giang	Nữ	08/08/2004	DHCNTT3.K23	14/09/2025	18	28	19	12	77	Đạt	
53	223134301189	Phạm Thị Hương Giang	Nữ	31/07/2004	DHKTKT2.K23	14/09/2025							Vắng thi
54	223114202240	Vũ Thị Hương Giang	Nữ	18/08/2004	DHGDTH4.K23	14/09/2025	17	22	25	16	80	Đạt	
55	223134101104	Vũ Thị Hương Giang	Nữ	09/11/2004	DHQTGD2.K23	14/09/2025							Vắng thi
56	213131101174	Bùi Việt Hà	Nữ	12/03/2003	DHKTNT1.K22	14/09/2025	19	30	26	12	87	Đạt	
57	213122204448	Lê Thị Bích Hà	Nữ	22/10/2003	DHNNTQ5.K22	14/09/2025	19	25	23	0	67	Không đạt	ĐCT VĐ
58	223131101167	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	15/07/2004	DHKTNT2.K23	14/09/2025	15	20	22	12	69	Đạt	
59	223131101160	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	08/06/2004	DHKTNT2.K23	14/09/2025	15	20	20	0	55	Không đạt	ĐCT VĐ
60	223114202249	Phạm Ngọc Hà	Nữ	03/11/2004	DHGDTH4.K23	14/09/2025	19	24	26	8	77	Đạt	
61	213134201080	Vũ Thị Hà	Nữ	22/07/2003	DHTCDN2.K22	14/09/2025	19	28	21	8	76	Đạt	
62	213134301234	Nguyễn Ngọc Hạ	Nữ	06/02/2003	DHKTDN3.K22	14/09/2025	9	8	19	0	36	Không đạt	Vắng thi VE
63	223151202003	Lương Kim Hoàng Hải	Nam	27/05/2004	DHCNCTM.K23	14/09/2025	19	17	23	8	67	Đạt	
64	223134122115	Phạm Thị Hải	Nữ	01/08/2004	DHTMDT3.K23	14/09/2025	19	17	12	10	58	Không đạt	
65	223134301050	Đào Thu Hằng	Nữ	22/08/2004	DHKTDN1.K23	14/09/2025	19	30	28	10	87	Đạt	
66	223148201150	Lương Minh Hằng	Nữ	28/03/2004	DHCNTT3.K23	14/09/2025	20	30	27	10	87	Đạt	
67	223134301205	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	16/05/2004	DHKTDN3.K23	14/09/2025	19	30	20	11	80	Đạt	
68	223134301144	Nguyễn Thu Hằng	Nữ	31/01/2004	DHKTDN2.K23	14/09/2025	20	29	18	10	77	Đạt	
69	213148201116	Phạm Văn Hậu	Nam	05/01/2003	DHCNTT7.K22	14/09/2025	16	12	23	6	57	Không đạt	
70	223114202007	Trịnh Thị Hậu	Nữ	13/08/2004	DHGDTH4.K23	14/09/2025	19	28	20	10	77	Đạt	
71	223114202210	Đỗ Thu Hiền	Nữ	15/01/2004	DHGDTH4.K23	14/09/2025	20	29	24	10	83	Đạt	
72	213114217091	Lê Thị Thu Hiền	Nữ	08/11/2003	DHSPV-LS.K22	14/09/2025	20	30	22	7	79	Đạt	
73	223134301138	Vũ Thị Hiền	Nữ	28/03/2004	DHKTDN2.K23	14/09/2025	20	28	21	10	79	Đạt	

STT	Tài khoản	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp cố định	Ngày thi	Điểm Nghe (T20)	Điểm Đọc (T30)	Điểm Viết (T30)	Điểm Nói (T20)	Tổng điểm (T100)	Kết quả	Ghi chú
74	223131101106	Vũ Thị Thu Hiền	Nữ	23/12/2004	DHKTNT1.K23	14/09/2025	20	30	23	10	83	Đạt	
75	213148201259	Đào Văn Hiến	Nam	09/12/2003	DHCNTT7.K22	14/09/2025	19	29	13	10	71	Đạt	
76	213151303014	Đoàn Mạnh Hiếu	Nam	01/03/2003	DHĐ-TĐCN1.K22	14/09/2025	20	26	20	15	81	Đạt	
77	223134122135	Nguyễn Duy Hiếu	Nam	24/09/2004	DHTMDT3.K23	14/09/2025	20	28	26	10	84	Đạt	
78	213151203051	Nguyễn Minh Hiếu	Nam	08/01/2003	DHCNKTC-DT.K22	14/09/2025	19	30	20	10	79	Đạt	
79	213151303063	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	09/03/2003	DHĐ-TĐCN1.K22	14/09/2025	18	19	20	10	67	Đạt	
80	213122204498	Đỗ Thị Hoa	Nữ	16/04/2003	DHNNTQ7.K22	14/09/2025	20	25	20	10	75	Đạt	
81	223148201147	Bùi Thị Minh Hòa	Nữ	20/04/2004	DHCNTT3.K23	14/09/2025	20	28	23	8	79	Đạt	
82	213151303124	Bùi Duy Hoàng	Nam	29/01/2003	DHĐ-TĐCN1.K22	14/09/2025							Vắng thi
83	223148201122	Ngô Dương Hoàng	Nam	13/05/2004	DHCNTT3.K23	14/09/2025	20	30	24	12	86	Đạt	
84	213114206007	Phạm Việt Hoàng	Nam	09/11/2003	DHGDTC.K22	14/09/2025							Vắng thi
85	223134101146	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	07/01/2004	DHQT KD1.K23	14/09/2025	19	30	18	12	79	Đạt	
86	233131101195	Phạm Minh Hồng	Nữ	01/09/2005	DHQLKT.K24	14/09/2025	18	22	13	12	65	Đạt	
87	213151301099	Phạm Mạnh Hùng	Nam	10/05/2003	DHĐCN-DD2.K22	14/09/2025	0	0	0	6	6	Không đạt	Vắng thi TM
88	213148201024	Phạm Văn Hưng	Nam	20/05/2003	DHCNTT6.K22	14/09/2025	18	24	10	6	58	Không đạt	
89	223114202230	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	25/07/2004	DHGDTH4.K23	14/09/2025	20	28	25	15	88	Đạt	
90	223131101163	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	17/02/2004	DHKTNT3.K23	14/09/2025	20	25	24	13	82	Đạt	
91	233181103003	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	31/05/2005	DHQTDL-LH1.K24	14/09/2025	18	27	18	15	78	Đạt	
92	223131101071	Quách Thị Thanh Hương	Nữ	11/08/2004	DHKTNT2.K23	14/09/2025	20	28	20	16	84	Đạt	
93	223131101153	Đặng Đình Hữu	Nam	06/03/2004	DHKTNT2.K23	14/09/2025	20	28	23	16	87	Đạt	
94	223134122113	Nguyễn Quang Huy	Nam	24/05/2003	DHTMDT3.K23	14/09/2025	19	25	18	12	74	Đạt	
95	213151303094	Phạm Duy Huy	Nam	23/10/2003	DHĐ-TĐCN1.K22	14/09/2025	20	20	26	17	83	Đạt	
96	213134101012	Trương Quang Huy	Nam	23/11/2003	DHQT MAR2.K22	14/09/2025							Vắng thi
97	213122204080	Phạm Thị Huyền	Nữ	07/06/2003	DHNNTQ7.K22	14/09/2025	19	29	24	14	86	Đạt	
98	233114217069	Bùi Thu Huyền	Nữ	30/06/2005	DHSPNV2.K24	14/09/2025	20	29	18	10	77	Đạt	
99	223134301330	Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	29/01/2004	DHKTDN5.K23	14/09/2025	19	29	22	11	81	Đạt	

STT	Tài khoản	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp cố định	Ngày thi	Điểm Nghe (T20)	Điểm Đọc (T30)	Điểm Viết (T30)	Điểm Nói (T20)	Tổng điểm (T100)	Kết quả	Ghi chú
100	213122204453	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	13/08/2003	DHNNTQ3.K22	14/09/2025	20	30	21	13	84	Đạt	
101	223181103067	Nguyễn Thị Phương Huyền	Nữ	04/02/2004	DHQTDL-LH2.K23	14/09/2025							Vắng thi
102	223134301130	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	02/07/2004	DHKTDN2.K23	14/09/2025	20	30	24	12	86	Đạt	
103	223148201153	Ninh Thị Thu Huyền	Nữ	27/08/2004	DHCNTT3.K23	14/09/2025	20	29	5	10	64	Không đạt	
104	233176101050	Phạm Thanh Huyền	Nữ	18/11/2004	DHCTXH.K24	14/09/2025	20	27	18	9	74	Đạt	
105	223134122133	Vũ Thanh Huyền	Nữ	26/08/2004	DHTMDT3.K23	14/09/2025	20	29	24	9	82	Đạt	
106	223134101254	Hoàng Minh Khang	Nữ	22/12/2003	DHQTKD3.K23	14/09/2025	11	1	8	12	32	Không đạt	
107	223114209056	Nguyễn Đình Khánh	Nam	09/08/2004	DHSPH1.K23	14/09/2025	20	29	18	10	77	Đạt	
108	213134101019	Nguyễn Quốc Khánh	Nam	01/03/2003	DHQTKD4.K22	14/09/2025	20	29	13	17	79	Đạt	
109	213148201377	Phạm Gia Khiêm	Nam	14/12/2003	DHCNTT7.K22	14/09/2025							Vắng thi
110	213131101223	Trần Trung Kiên	Nam	27/09/2003	DHKTN3.K22	14/09/2025	5	18	22	12	57	Không đạt	
111	223151202056	Vũ Trung Kiên	Nam	11/05/2004	DHCNCTM.K23	14/09/2025	20	28	27	12	87	Đạt	
112	223134101500	Lê Quang Lâm	Nam	13/05/2003	DHQTKD2.K23	14/09/2025	18	24	16	6	64	Đạt	
113	223134101239	Vũ Tùng Lâm	Nam	21/08/2004	DHQTKD2.K23	14/09/2025	19	27	12	8	66	Đạt	
114	233114217015	Phạm Võ Thúy Lan	Nữ	09/12/2005	DHSPNV1.K24	14/09/2025	14	15	11	13	53	Không đạt	
115	223134301194	Lê Thị Nhật Lệ	Nữ	12/01/2004	DHKTDN3.K23	14/09/2025	20	29	25	13	87	Đạt	
116	223134201145	Bùi Vũ Khánh Linh	Nữ	21/06/2004	DHTCDN3.K23	14/09/2025	18	28	26	7	79	Đạt	
117	223134101103	Đàm Thị Khánh Linh	Nữ	07/09/2004	DHQTKD1.K23	14/09/2025	20	18	26	16	80	Đạt	
118	213122204587	Đinh Nguyễn Mai Linh	Nữ	03/01/2003	DHNNTQ10.K22	14/09/2025	19	26	22	18	85	Đạt	
119	213122204025	Hoàng Thùy Linh	Nữ	20/02/2003	DHNNTQ11.K22	14/09/2025	20	30	21	15	86	Đạt	
120	223114202135	Lê Khánh Linh	Nữ	13/10/2004	DHGDTH4.K23	14/09/2025	19	30	19	10	78	Đạt	
121	223114217011	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	03/04/2004	DHSPNV1.K23	14/09/2025	20	30	19	19	88	Đạt	
122	233114202190	NGUYỄN MAI LINH	Nữ	17/05/2005	DHGDTH4.K24	14/09/2025	20	28	23	19	90	Đạt	
123	223134301094	Nguyễn Ngọc Linh	Nữ	22/08/2004	DHKTDN2.K23	14/09/2025	20	29	26	12	87	Đạt	
124	213122204557	Nguyễn Thị Diệu Linh	Nữ	15/03/2003	DHNNTQ3.K22	14/09/2025	19	21	23	18	81	Đạt	
125	223134301129	Nguyễn Thị Khánh Linh	Nữ	24/10/2004	DHKTDN2.K23	14/09/2025	20	27	14	9	70	Đạt	

STT	Tài khoản	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp cố định	Ngày thi	Điểm Nghe (T20)	Điểm Đọc (T30)	Điểm Viết (T30)	Điểm Nói (T20)	Tổng điểm (T100)	Kết quả	Ghi chú
126	213134101406	Nguyễn Thị Thúy Linh	Nữ	16/12/2003	DHQTCKT.K22	14/09/2025							Vắng thi
127	213131101065	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	20/03/2002	DHKTNT1.K22	14/09/2025							Vắng thi
128	223114202094	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	24/06/2004	DHGDTH4.K23	14/09/2025	20	29	18	18	85	Đạt	
129	223114202175	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	27/09/2004	DHGDTH5.K23	14/09/2025	20	29	25	15	89	Đạt	
130	223114202245	Phạm Diệu Linh	Nữ	16/11/2004	DHGDTH4.K23	14/09/2025	4	0	0	0	4	Không đạt	Vắng thi VE
131	223114202131	Phạm Diệu Linh	Nữ	01/07/2004	DHGDTH4.K23	14/09/2025	6	10	5	16	37	Không đạt	
132	243114201056	Phạm Khánh Linh	Nữ	24/03/2006	GDMN.K25-1	14/09/2025	20	28	23	16	87	Đạt	
133	213131101156	Phạm Thị Khánh Linh	Nữ	20/06/2003	DHKTNT3.K22	14/09/2025	11	29	10	8	58	Không đạt	
134	213122204604	Phạm Thị Phương Linh	Nữ	29/08/2003	DHNNTQ3.K22	14/09/2025	20	29	23	19	91	Đạt	
135	213134301052	Phùng Khánh Linh	Nữ	03/11/2003	DHKTKT2.K22	14/09/2025	20	29	22	15	86	Đạt	
136	223134301116	Trần Phương Linh	Nữ	06/09/2004	DHKTDN2.K23	14/09/2025	19	26	23	17	85	Đạt	
137	233114202144	Trịnh Vũ Phương Linh	Nữ	14/03/2005	DHGDTH3.K24	14/09/2025	20	19	15	12	66	Đạt	
138	223114217001	Vũ Thị Linh	Nữ	03/04/2004	DHSPNV1.K23	14/09/2025	20	30	19	12	81	Đạt	
139	223114202117	Vũ Thị Hồng Linh	Nữ	21/01/2004	DHGDTH5.K23	14/09/2025	17	16	12	12	57	Không đạt	
140	223151301015	Dương Phúc Lộc	Nam	09/10/2004	DHĐCN-DD1.K23	14/09/2025	20	29	24	16	89	Đạt	
141	213148201325	Lê Văn Long	Nam	19/11/2003	DHCNTT3.K22	14/09/2025	17	29	10	9	65	Đạt	
142	223114209114	Nguyễn Đức Long	Nam	15/12/2004	DHSPH1.K23	14/09/2025	20	29	20	17	86	Đạt	
143	233114202126	Hồ Thị Quỳnh Ly	Nữ	04/12/2005	DHGDTH3.K24	14/09/2025	20	21	22	16	79	Đạt	
144	223134301344	Nguyễn Hải Ly	Nữ	15/05/2004	DHKTKT2.K23	14/09/2025	11	15	10	15	51	Không đạt	
145	223131101182	Nguyễn Thị Thu Ly	Nữ	08/05/2004	DHKTNT3.K23	14/09/2025							Vắng thi
146	213114217043	Phạm Khánh Ly	Nữ	18/08/2002	DHSPNV.K22	14/09/2025	19	21	22	12	74	Đạt	
147	223134301114	Đào Thị Ngọc Mai	Nữ	15/10/2004	DHKTDN2.K23	14/09/2025	20	28	22	10	80	Đạt	
148	213122204248	Đỗ Thanh Mai	Nữ	04/08/2003	DHNNTQ10.K22	14/09/2025	18	10	7	12	47	Không đạt	
149	223134301230	Phạm Phương Mai	Nữ	19/10/2004	DHKTDN5.K23	14/09/2025	20	23	22	12	77	Đạt	
150	223134301112	Phan Thị Thanh Mai	Nữ	09/01/2004	DHKTDN2.K23	14/09/2025							Vắng thi
151	223131101194	Vũ Thị Xuân Mai	Nữ	06/04/2004	DHKTNT3.K23	14/09/2025							Vắng thi

STT	Tài khoản	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp cố định	Ngày thi	Điểm Nghe (T20)	Điểm Đọc (T30)	Điểm Viết (T30)	Điểm Nói (T20)	Tổng điểm (T100)	Kết quả	Ghi chú
152	223148201141	Phạm Thị Mến	Nữ	11/12/2004	DHCNTT3.K23	14/09/2025	18	21	14	6	59	Không đạt	
153	213114217025	Hoàng Trọng Minh	Nam	30/09/2003	DHSPV-LS.K22	14/09/2025	9	11	12	10	42	Không đạt	
154	223151202048	Nguyễn Văn Minh	Nam	01/11/2003	DHCNCTM.K23	14/09/2025							Vắng thi
155	223134301018	Phạm Thị Minh	Nữ	27/01/2004	DHKTKT1.K23	14/09/2025							Vắng thi
156	233114217095	Phạm Thị Hà Minh	Nữ	22/09/2005	DHSPNV2.K24	14/09/2025	19	21	7	12	59	Không đạt	
157	223131101274	Đặng Hà My	Nữ	12/10/2004	DHKTNT4.K23	14/09/2025	9	7	17	7	40	Không đạt	
158	213114217027	Nguyễn Thị Hà My	Nữ	28/03/2003	DHSPV-LS.K22	14/09/2025	17	26	10	9	62	Đạt	
159	243134301162	Nguyễn Cẩm Mỹ	Nữ	25/10/2006	KTKT.K25	14/09/2025	20	30	24	16	90	Đạt	
160	213148201298	Khúc Hoài Nam	Nam	30/03/2003	DHCNTT2.K22	14/09/2025	18	30	23	9	80	Đạt	
161	213122204235	Đoàn Thị Nga	Nữ	23/02/2003	DHNNTQ8.K22	14/09/2025	18	26	24	8	76	Đạt	
162	233114202182	mẠc Thị Thùy Nga	Nữ	26/09/2005	DHGDTH4.K24	14/09/2025	20	29	23	10	82	Đạt	
163	223134301103	Đồng Thị Ngân	Nữ	30/09/2004	DHKTDN2.K23	14/09/2025	20	29	23	11	83	Đạt	
164	223134101044	Dương Thị Huyền Ngân	Nữ	05/12/2004	DHQTKD1.K23	14/09/2025	18	28	25	12	83	Đạt	
165	213148201122	Hoàng Trọng Nghĩa	Nam	08/01/2003	DHCNTT4.K22	14/09/2025	20	27	18	15	80	Đạt	
166	223134301154	Lã Minh Ngọc	Nữ	06/05/2004	DHKTDN2.K23	14/09/2025	20	30	23	16	89	Đạt	
167	213134101528	Nguyễn Minh Ngọc	Nữ	01/08/2003	DHQTMAR2.K22	14/09/2025	19	29	26	10	84	Đạt	
168	213131101006	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	03/09/2003	DHKTNT3.K23	14/09/2025	20	29	24	12	85	Đạt	
169	223114217054	Bùi Thị Minh Nguyệt	Nữ	22/08/2004	DHSPNV2.K23	14/09/2025	19	24	16	16	75	Đạt	
170	223134301224	Nguyễn Thanh Nhân	Nữ	14/09/2004	DHKTDN3.K23	14/09/2025	20	29	24	14	87	Đạt	
171	243114206006	Bùi Thị Yên Nhi	Nữ	13/07/2006	GDTC.K25	14/09/2025	20	29	21	9	79	Đạt	
172	213134301235	Nguyễn Ngọc Nhi	Nữ	06/02/2003	DHKTDN5.K22	14/09/2025	13	18	22	15	68	Đạt	
173	213134301249	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Nữ	15/02/2003	DHKTKT1.K22	14/09/2025	20	28	24	12	84	Đạt	
174	223114202256	Dương Thị Hồng Nhung	Nữ	28/07/2004	DHGDTH4.K23	14/09/2025	20	30	24	15	89	Đạt	
175	213122204520	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	23/08/2003	DHNNTQ11.K22	14/09/2025	20	30	19	14	83	Đạt	
176	223131101122	Bùi Thị Yên Ninh	Nữ	17/08/2004	DHKTNT2.K23	14/09/2025							Vắng thi
177	213134301002	Đỗ Ngọc Ninh	Nữ	13/09/2003	DHKTDN1.K22	14/09/2025	20	30	23	14	87	Đạt	

STT	Tài khoản	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp cố định	Ngày thi	Điểm Nghe (T20)	Điểm Đọc (T30)	Điểm Viết (T30)	Điểm Nói (T20)	Tổng điểm (T100)	Kết quả	Ghi chú
178	233131101119	Trương Ngọc Oanh	Nữ	15/06/2005	DHQLKT.K24	14/09/2025							Vắng thi
179	223134301125	Trương Thị Kim Oanh	Nữ	08/09/2004	DHKTDN2.K23	14/09/2025	20	30	22	15	87	Đạt	
180	223148201142	Nguyễn Đức Phúc	Nam	15/08/2004	DHCNTT3.K23	14/09/2025	18	27	24	12	81	Đạt	
181	213134301022	Nguyễn Hoàng Phúc	Nam	03/10/2003	DHKTDN3.K22	14/09/2025	19	29	24	10	82	Đạt	
182	223114209146	Bùi Hà Phương	Nữ	02/10/2004	DHSPH2.K23	14/09/2025	18	30	23	16	87	Đạt	
183	233181103142	Bùi Minh Phương	Nữ	30/09/2005	DHQTDL-LH1.K24	14/09/2025	20	29	27	17	93	Đạt	
184	223131101227	Ngô Thị Thụy Phương	Nữ	29/09/2004	DHKTTNT1.K23	14/09/2025	20	30	26	8	84	Đạt	
185	213114202097	Phạm Thị Hà Phương	Nữ	16/09/2003	DHGDTH4.K22	14/09/2025	19	26	28	15	88	Đạt	
186	243134301015	Phạm Thị Mai Phương	Nữ	05/12/2006	KTDN.K25-1	14/09/2025	20	30	26	14	90	Đạt	
187	223134301188	Trần Hà Phương	Nữ	18/11/2004	DHKTKT2.K23	14/09/2025	20	29	22	15	86	Đạt	
188	213134101225	Trần Vi Ngọc Quý	Nữ	04/10/2003	DHQTkd5.K22	14/09/2025							Vắng thi
189	213114206009	Phạm Duy Quyền	Nam	26/10/2002	DHGDTC.K22	14/09/2025	20	22	23	17	82	Đạt	
190	223114209028	Nguyễn Diễm Quỳnh	Nữ	15/10/2004	DHSPH2.K23	14/09/2025	20	30	25	12	87	Đạt	
191	223134122134	Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	06/04/2004	DHTMDT3.K23	14/09/2025	19	22	21	15	77	Đạt	
192	223134301341	Phan Thị Quỳnh	Nữ	15/02/2004	DHKTDN5.K23	14/09/2025	20	28	18	15	81	Đạt	
193	223134122110	Trần Thị Diễm Quỳnh	Nữ	07/08/2004	DHTMDT3.K23	14/09/2025	17	17	18	19	71	Đạt	
194	213131101079	Trịnh Thị Minh Quỳnh	Nữ	29/08/2003	DHKTTNT1.K22	14/09/2025	17	18	19	15	69	Đạt	
195	223151303043	Bùi Phạm Hồng Sơn	Nam	16/12/2003	DHĐ-TĐCN1.K23	14/09/2025							Vắng thi
196	233114217092	Trần Văn Ngọc Sơn	Nam	22/07/2005	DHSPNV2.K24	14/09/2025	20	29	15	14	78	Đạt	
197	223131101138	Vũ Thị Thanh Tân	Nữ	09/10/2004	DHKTTNT1.K23	14/09/2025	20	7	18	15	60	Không đạt	
198	223134301347	Hoàng Thị Thắm	Nữ	29/07/2004	DHKTDN5.K23	14/09/2025	20	25	23	18	86	Đạt	
199	223148201171	Nguyễn Chiến Thắng	Nam	29/08/2004	DHCNTT3.K23	14/09/2025	13	8	10	14	45	Không đạt	
200	223151103014	Phạm Văn Thắng	Nam	29/10/1997	DHCNKTXD.K23	14/09/2025	20	29	20	17	86	Đạt	
201	223114217037	Hoàng Trần Ngọc Thanh	Nữ	21/08/2004	DHSPNV1.K23	14/09/2025	20	30	21	16	87	Đạt	
202	223134122130	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	24/07/2004	DHTMDT3.K23	14/09/2025	20	8	0	11	39	Không đạt	
203	223131101154	Nguyễn Thị Hà Thanh	Nữ	16/11/2004	DHKTTNT3.K23	14/09/2025	20	28	13	14	75	Đạt	

STT	Tài khoản	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp cố định	Ngày thi	Điểm Nghe (T20)	Điểm Đọc (T30)	Điểm Viết (T30)	Điểm Nói (T20)	Tổng điểm (T100)	Kết quả	Ghi chú
204	223134101152	Nguyễn Trọng Thanh	Nam	11/09/2004	DHQTkd2.K23	14/09/2025	19	28	5	15	67	Không đạt	
205	223114202001	Trần Mai Thanh	Nữ	18/12/2004	DHGDTH4.K23	14/09/2025	8	13	14	15	50	Không đạt	
206	223148201124	Phạm Minh Thành	Nam	30/07/2003	DHCNTT3.K23	14/09/2025	14	15	15	17	61	Đạt	
207	213148201179	Phạm Trọng Thành	Nam	06/02/2003	DHCNTT5.K22	14/09/2025	16	7	10	12	45	Không đạt	
208	223148201177	Trần Duy Thành	Nam	14/10/2004	DHCNTT3.K23	14/09/2025	18	25	26	15	84	Đạt	
209	243114217123	Bùi Thanh Thảo	Nữ	24/04/2006	SPNV.K25-3	14/09/2025	19	28	20	15	82	Đạt	
210	223114202096	Bùi Thị Phương Thảo	Nữ	20/09/2004	DHGDTH4.K23	14/09/2025	19	29	16	13	77	Đạt	
211	213134301027	Hoàng Thu Thảo	Nữ	24/07/2001	DHKTDN5.K22	14/09/2025	20	29	11	17	77	Đạt	
212	213131101222	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	03/05/2003	DHKTN4.K22	14/09/2025	19	22	25	15	81	Đạt	
213	223134301108	Nguyễn Thu Thảo	Nữ	09/11/2004	DHKTDN2.K23	14/09/2025	18	11	10	15	54	Không đạt	
214	223114217062	Phạm Phương Thảo	Nữ	30/09/2004	DHSPNV2.K23	14/09/2025	19	21	10	15	65	Đạt	
215	213134301308	Vũ Thị Phương Thảo	Nữ	08/05/2003	DHKTDN1.K22	14/09/2025	20	20	25	19	84	Đạt	
216	223151203022	Vũ Văn Bảo Thiên	Nam	19/12/2004	DHCNKTC-DT1.K23	14/09/2025	20	29	17	10	76	Đạt	
217	223148201127	Lê Công Thịnh	Nam	20/09/2004	DHCNTT3.K23	14/09/2025	19	29	23	11	82	Đạt	
218	223114209060	Lê Thị Thơm	Nữ	22/11/2004	DHSPH2.K23	14/09/2025	18	12	11	8	49	Không đạt	
219	223131101143	Đỗ Thị Thu	Nữ	24/11/2004	DHKTN3.K23	14/09/2025	20	27	21	11	79	Đạt	
220	213134301028	Đào Anh Thư	Nữ	10/12/2003	DHKTDN4.K22	14/09/2025	9	7	2	10	28	Không đạt	
221	223148201126	Đỗ Minh Thư	Nữ	24/11/2004	DHCNTT3.K23	14/09/2025	20	30	24	10	84	Đạt	
222	213148201297	Nguyễn Trung Thư	Nam	04/01/2003	DHCNTT3.K22	14/09/2025	20	30	22	17	89	Đạt	
223	223134301057	Lê Phương Thành Thuận	Nam	25/02/2004	DHKTDN1.K23	14/09/2025	19	28	16	9	72	Đạt	
224	223134301047	Bùi Thị Huyền Thương	Nữ	23/09/2004	DHKTKT1.K23	14/09/2025							Vắng thi
225	223134301267	Bùi Thị Thúy	Nữ	13/09/2004	DHKTDN4.K23	14/09/2025	20	30	23	6	79	Đạt	
226	223114202077	Nguyễn Phương Thúy	Nữ	11/10/2004	DHGDTH4.K23	14/09/2025	19	24	18	10	71	Đạt	
227	233114202139	Phùng Lê Phương Thủy	Nữ	21/06/2005	DHGDTH3.K24	14/09/2025	20	29	25	10	84	Đạt	
228	233181103143	Phùng Thị Thu Thủy	Nữ	16/07/2005	DHQTDL-LH1.K24	14/09/2025	20	30	27	14	91	Đạt	
229	223148201136	Đỗ Minh Tiến	Nam	17/07/2004	DHCNTT3.K23	14/09/2025	20	30	22	15	87	Đạt	

STT	Tài khoản	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp cố định	Ngày thi	Điểm Nghe (T20)	Điểm Đọc (T30)	Điểm Viết (T30)	Điểm Nói (T20)	Tổng điểm (T100)	Kết quả	Ghi chú
230	223181103093	Trần Ngọc Tiến	Nam	07/06/2004	DHQTDL-LH2.K23	14/09/2025							Vắng thi
231	223151303039	Trần Văn Tiến	Nam	16/01/2004	DHĐ-TĐCN1.K23	14/09/2025	20	25	20	9	74	Đạt	
232	213176101020	Hoàng Mạnh Toàn	Nam	14/12/2003	DHCTXH.K22	14/09/2025	20	26	11	11	68	Đạt	
233	223131630060	Bùi Hoàng Kiều Trang	Nữ	01/06/2004	DHVHDL.K23	14/09/2025	20	29	24	12	85	Đạt	
234	223134101222	Lê Kiều Trang	Nữ	17/11/2004	DHQTMAR.K23	14/09/2025	20	26	18	15	79	Đạt	
235	233114202124	Mạc Thị Kim Trang	Nữ	14/07/2005	DHGDTH3.K24	14/09/2025	20	30	23	15	88	Đạt	
236	233131101110	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	19/10/2005	DHKTNT1.K24	14/09/2025	20	30	11	10	71	Đạt	
237	213134101234	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	26/03/2003	DHQTMAR2.K22	14/09/2025	17	30	0	10	57	Không đạt	
238	213134301175	Phạm Thu Trang	Nữ	18/12/2003	DHKTDN5.K22	14/09/2025	18	30	28	10	86	Đạt	
239	233114202134	Nguyễn Thị Lan Trinh	Nữ	30/04/2005	DHGDTH3.K24	14/09/2025	20	30	21	14	85	Đạt	
240	213134101160	Vũ Thùy Trinh	Nữ	19/08/2003	DHQTGD3.K22	14/09/2025	20	30	26	13	89	Đạt	
241	223134301060	Nguyễn Thị Trúc	Nữ	31/07/2004	DHKTDN1.K23	14/09/2025	20	30	24	13	87	Đạt	
242	233114201001	Vũ Thị Cẩm Tú	Nữ	18/02/2005	DHGDMN.K24	14/09/2025	18	25	25	10	78	Đạt	
243	213114217045	Nguyễn Bảo Thiên Tư	Nữ	16/04/2003	DHSPV-LS.K22	14/09/2025							Vắng thi
244	213151303066	Đào Mạnh Tuấn	Nam	28/11/2003	DHĐ-TĐCN2.K22	14/09/2025	18	30	22	8	78	Đạt	
245	213148201049	Phạm Văn Tuấn	Nam	17/12/2003	DHCNTT7.K22	14/09/2025	16	28	12	12	68	Đạt	
246	213148201354	Lê Quang Tùng	Nam	28/07/2003	DHCNTT7.K22	14/09/2025	15	29	21	12	77	Đạt	
247	223134101250	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	29/08/2004	DHQTGD2.K23	14/09/2025	20	30	27	10	87	Đạt	
248	213148201369	Phạm Khắc Tuyên	Nam	25/08/2003	DHCNTT5.K22	14/09/2025	20	29	25	12	86	Đạt	
249	223134301226	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Nữ	09/08/2001	DHKTDN3.K23	14/09/2025	11	15	11	13	50	Không đạt	
250	223131101089	Đoàn Thị Thảo Vân	Nữ	04/08/2004	DHKTNT2.K23	14/09/2025	20	26	27	14	87	Đạt	
251	223131101280	Lê Trần Hải Vân	Nữ	29/11/2004	DHKTNT3.K23	14/09/2025	20	27	26	12	85	Đạt	
252	223134301052	Nguyễn Thị Thảo Vân	Nữ	24/10/2004	DHKTDN1.K23	14/09/2025	19	30	16	12	77	Đạt	
253	213148201452	Phạm Quang Vinh	Nam	01/07/2003	DHCNTT3.K22	14/09/2025	20	28	21	10	79	Đạt	
254	223131101223	Bùi Thị Hải Yến	Nữ	13/12/2004	DHKTNT3.K23	14/09/2025	20	29	23	10	82	Đạt	
255	243114201025	Dương Thị Hải Yến	Nữ	17/07/2006	GDMN.K25-1	14/09/2025							Vắng thi

STT	Tài khoản	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp cố định	Ngày thi	Điểm Nghe (T20)	Điểm Đọc (T30)	Điểm Viết (T30)	Điểm Nói (T20)	Tổng điểm (T100)	Kết quả	Ghi chú
256	223131101224	Mai Thị Hải Yến	Nữ	30/11/2004	DHKTNT4.K23	14/09/2025	20	30	26	10	86	Đạt	
257	223134201151	Trần Thị Hải Yến	Nữ	16/10/2004	DHTCDN3.K23	14/09/2025	19	29	28	10	86	Đạt	
258	213114217046	Hà Thị Nhã	Nữ	21/01/2003	DHSPV-DL.K22	14/09/2025	20	25	26	15	86	Đạt	
259	203134202030	Phạm Bình An	Nam	27/10/2002	DHTCDN.K21	14/09/2025	16	23	17	15	71	Đạt	
260	203122114076	Bùi Hà Mỹ Anh	Nữ	18/08/2002	DHQTDL1.K21	14/09/2025	19	29.5	16	17	81.5	Đạt	
261	183122114134	Nguyễn Vân Anh	Nữ	22/05/2000	DHVHDL2.K19	14/09/2025	10	9.5	4	9	32.5	Không đạt	
262	203151103005	Đặng Thanh Bình	Nam	11/05/2002	D510103K211	14/09/2025	19	34	22	16	91	Đạt	
263	193122114023	Võ Hoàn Lê Đức Đạt	Nam	17/04/2001	DHVHDL.K20	14/09/2025	19	34	20	16	89	Đạt	
264	193151307039	Phạm Việt Dũng	Nam	16/05/2000	D510301K201	14/09/2025							Vắng thi
265	183122114186	Đinh Thị Vân Em	Nữ	06/10/2000	DHQTDL3.K19	14/09/2025							Vắng thi
266	193134302027	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	18/05/2001	D340301K20	14/09/2025	17	32	20	19	88	Đạt	
267	203134103182	Vũ Sơn Hà	Nam	07/08/2002	D340101K213	14/09/2025							Vắng thi
268	183122114162	Vũ Thọ Hải	Nam	08/10/2000	DHVHDL2.K19	14/09/2025	0	0	0	0	0	Không đạt	ĐCT
269	183148201057	Trần Huy Hoàng	Nam	18/10/2000	D480201K212	14/09/2025	15	27	21	19	82	Đạt	
270	203134103089	Nguyễn Duy Khiêm	Nam	04/05/2001	DHQTMAR.K21	14/09/2025	20	27	21	16	84	Đạt	
271	203114217019	Hoàng Thị Kim Liên	Nữ	30/06/2001	D140217K211	14/09/2025							Vắng thi
272	193148201053	Vũ Hoàng Nam	Nam	01/07/2001	D480201K202	14/09/2025	19	17	22	15	73	Đạt	
273	183134103130	Phan Thị Nga	Nữ	16/12/2000	DHQTCKT.K19	14/09/2025	19	35	23	18	95	Đạt	
274	183134103152	Lại Thị Bích Ngọc	Nữ	06/01/2000	D340101K192	14/09/2025	19	34	24	18	95	Đạt	
275	203134103084	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	30/03/2002	DHQTMAR.K21	14/09/2025	15	24	17	15	71	Đạt	
276	183134103140	Thái Thị Ngọc	Nữ	20/11/2000	DHQTCKT.K19	14/09/2025	19	32	21	9	81	Đạt	
277	193134103015	Nguyễn Thị Nhân	Nữ	07/01/2001	DHQTMAR.K20	14/09/2025	18	20.5	15	17	70.5	Đạt	
278	193134302214	Nguyễn Thị Thiện	Nữ	01/10/2001	D340301K20	14/09/2025	15	30	21	18	84	Đạt	
279	203134103143	Đỗ Thị Huyền Trang	Nữ	30/08/2002	DHQTMAR.K21	14/09/2025	20	28	22	10	80	Đạt	
280	203134302108	Mai Thị Huyền Trang	Nữ	03/11/2002	DHKTKT.K211	14/09/2025	17	27	24	15	83	Đạt	
281	183114217002	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	06/06/2000	D140217K191	14/09/2025	16	19	18	16	69	Đạt	

STT	Tài khoản	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp cố định	Ngày thi	Điểm Nghe (T20)	Điểm Đọc (T30)	Điểm Viết (T30)	Điểm Nói (T20)	Tổng điểm (T100)	Kết quả	Ghi chú
282	193148201016	Nguyễn Sỹ Trường	Nam	09/11/2001	DHCNTT1.K20	14/09/2025	19	34	22	17	92	Đạt	
283	203152217039	Lương Minh Tuấn	Nam	28/07/2002	D520216K211	14/09/2025	19	30	19	15	83	Đạt	
284	203148201006	Phạm Đức Tuyên	Nam	09/03/2001	DHCNTT1.K21	14/09/2025	9	7.5	20	9	45.5	Không đạt	
285	183134103158	Nguyễn Thế Vũ	Nam	16/08/2000	DHQTMAR.K19	14/09/2025	19	34	24	12	89	Đạt	

- Điều kiện đạt chuẩn đầu ra: Tổng điểm (Thang 100) đạt từ 60 và điểm mỗi phần kỹ năng không dưới 30%

- Số thí sinh theo danh sách: 285 sv

- Số thí sinh dự thi: 253 sv, Vắng thi: 32 sv

- Số thí sinh đạt: 210 sv

- Số thí sinh không đạt: 43 sv

**TL.HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỞNG PHÒNG KT&ĐBCL**

Đã ký

**TS. Đỗ Thị Thanh Toàn**

Hải Phòng, ngày 22 tháng 9 năm 2025

**NGƯỜI LẬP**

**Đỗ Đức Linh**